

Số: 93/2020/QĐST-HNGĐ

Quận 2, ngày 12 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật P và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và Sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc dân sự thụ lý số 79/2020/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Bà Phan Ngọc P, sinh năm: 1971.

2. Ông Nguyễn Ngọc K, sinh năm: 1971.

Địa chỉ thường trú: 15.07 Khối F Lô N Chung cư H, phường A, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 13.09 Khối B Lô CD Chung cư H, phường K, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại Quận 2 nên theo điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/10/1998 tại Ủy ban nhân dân phường xã Y, huyện A, tỉnh K thì quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Ngọc P và ông Nguyễn Ngọc K là hợp pháp.

Căn cứ Biên bản hòa giải, Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2020 có trong hồ sơ, Tòa án nhân dân Quận 2 nhận thấy:

Hôn nhân giữa bà Phan Ngọc P và ông Nguyễn Ngọc K là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Trong thời gian chung sống, bà P và ông K thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống. Mâu thuẫn kéo dài dẫn đến hai bên không tìm được tiếng nói chung, đã nhiều lần vợ chồng cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Bà Phan Ngọc P và ông Nguyễn Ngọc K xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà Phan Ngọc P và ông Nguyễn Ngọc K cùng khai có hai con chung là Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày: 20/4/1999 (đã trưởng thành) và Nguyễn Duy K1, sinh ngày: 21/10/2009. Bà P và ông K thống nhất giao trẻ Nguyễn Duy K1 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà P không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Phan Ngọc P và ông Nguyễn Ngọc K tự thỏa thuận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Ngọc P và ông Nguyễn Ngọc K thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/10/1998 tại Ủy ban nhân dân phường xã Y, huyện A, tỉnh K chấm dứt hiệu lực kể từ ngày 13/5/2020).

Về con chung: Bà Phan Ngọc P và ông Nguyễn Ngọc K cùng khai có hai con chung là Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày: 20/4/1999 (đã trưởng thành) và Nguyễn Duy K1, sinh ngày: 21/10/2009. Bà P và ông K thống nhất giao trẻ Nguyễn Duy K1 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà P không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung. Các đương sự thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Nguyễn Ngọc K được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết hai bên đều có thể xin thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Phan Ngọc P và ông Nguyễn Ngọc K tự thỏa thuận.

Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng bà Phan Ngọc P tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu số AA/2018/0027399 do

Chi cục thi hành án Quận 2 lập ngày 27/02/2020. Bà P đã nộp đủ lệ phí việc dân sự. Ông K không phải chịu lệ phí việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS Quận 2;
- VKSND Quận 2;
- Ủy ban nhân dân phường xã Y, huyện A, tỉnh K;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Thị Thanh Nga